TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Đương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Đắc Tư**

2. Bà **Huỳnh Thị Kim Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 217, ấp Thạnh Quới 1, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Nay là: Số 217, ấp Thạnh Quới 1, xã Trung Hưng, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Huỳnh Trường G**, Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố C (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Thành Đ**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 217, ấp Thạnh Quới 1, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Nay là: Số 217, ấp Thạnh Quới 1, xã Trung Hưng, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:*

Năm 2002, bà và ông Trần Thành Đ do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên đã tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 13/11/2003 và Trần Thành N1, sinh ngày 27/01/2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai không thể chia sẻ, đồng cảm với nhau về mọi việc dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù các bên đã tiến hành hòa giải, hàn gắn nhưng nhận thấy không có kết quả. Hiện tại, cả hai đã ly thân khoảng 01 năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thành Đ.

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thành Đ trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Thu H do quen biết và được sự chấp thuận của hai bên gia đình đã tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 13/11/2003 và Trần Thành N1, sinh ngày 27/01/2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù các bên đã tiến hành hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật quy định về vấn đề đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, bà H và ông Đ chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Từ đó, bà H và ông Đ đã ly thân. Xét thấy, mối quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn hiện nay chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Đồng thời, các bên đều xác định đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu H theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Các bên thống nhất có 02 con chung là Trần Yến N, sinh ngày 13/11/2003 và Trần Thành N1, sinh ngày 27/01/2006; các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Các bên đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[3.4] Về nợ chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Thành Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Yến N, sinh ngày 13/11/2003 và Trần Thành N1, sinh ngày 27/01/2006; các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000678 ngày 19/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Cần Thơ) thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 4-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 4-Cần Thơ;
- UBND xã Trung Hưng, Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đương